

Số: 3191/QĐ-UBND

Thạch An, ngày 25 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương huyện Thạch An;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương huyện Thạch An;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 3);

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 4);

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 5);

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 6);

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương huyện Thạch An (lần 7);

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Thạch An;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Thạch An (Chi tiết biểu số 01 kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kế hoạch vốn được giao tại Điều 1, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan; sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ giải ngân; thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội nông dân huyện, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH(Th)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nông Thế Phúc

Biểu số 01

GAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3191 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của Dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024					Đơn vị: <i>Trụ sở</i>	
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP			
									Trong đó	NSTW	NS tỉnh	NS huyện								Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số		Trong đó:
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	TỔNG SỐ								165.895,880	60.129,000	42.167,940	23.476,000	1.900,000	83.449,018	54.197,078	30.800,000	30.620,000	16.170,940	14.820,940				
A	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức								165.895,880	60.129,000	42.167,940	23.476,000	1.900,000	83.449,018	54.197,078	30.800,000	30.620,000	16.170,940	14.820,940				
AI	Chỉ xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước								113.645,940	60.129,000	11.770,940	23.476,000	1.900,000	31.199,078	23.800,078	5.620,000	5.580,000	10.813,940	9.463,940				
AI.1	Tỉnh bố trí								11.529,940	6.009,000	4.130,940			11.529,940	4.130,940	180,000	140,000	2.313,940	963,940				
I	Phân bổ cho các ngành, lĩnh vực								11.529,940	6.009,000	4.130,940			11.529,940	4.130,940	180,000	140,000	2.313,940	963,940				
1	Các hoạt động kinh tế								2.249,940		859,940			2.249,940	859,940	180,000	140,000	2.069,940	719,940				
	Dự án nhóm C																						
(1)	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thạch An	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Thạch An	Thạch An	8041547		2023-2024	905/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	2.249,940			859,940		2.249,940	859,940	180,000	140,000	2.069,940	719,940				
2	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật								9.280,000	6.009,000	3.271,000			9.280,000	3.271,000			244,000	244,000				
	Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								9.280,000	6.009,000	3.271,000			9.280,000	3.271,000			244,000	244,000				
(1)	Đường giao thông liên xã Nà Lọng (Mình Khai) - Cầu Lạn (Đức Thông) huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	Xã Minh Khai - Xã Đức Thông		8022824		2023-2025	696/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	9.280,000	6.009,000	3.271,000			9.280,000	3.271,000			244,000	244,000				
A1.2	Huyện bố trí								102.116,000	54.120,000	7.640,000	23.476,000	1.900,000	19.669,138	19.669,138	5.440,000	5.440,000	8.500,000	8.500,000				
AI.2.1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024								79.386,000	54.120,000	7.640,000	13.246,000	1.900,000	13.246,000	13.246,000	5.390,000	5.390,000	4.046,222	4.046,222				
I	Phân bổ các ngành, lĩnh vực								14.100,000			9.700,000	1.900,000	9.700,000	9.700,000	4.316,500	4.316,500	1.573,722	1.573,722				
	Dự án nhóm c																						
1	Lĩnh vực quản lý nhà nước								1.400,000			1.400,000		1.400,000	1.400,000	785,500	785,500	110,000	110,000				
(1)	Qũy hỗ trợ nông dân	Hội nông dân huyện			1114633		2022-2025		400,000			400,000		400,000	400,000	200,000	200,000	100,000	100,000				
(2)	Trạm Y tế xã Thụy Hùng (hàng rào, sân bê tông, nhà để xe)	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	xã Thụy Hùng		7950756		2022	996/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	1.000,000			1.000,000		1.000,000	1.000,000	585,500	585,500	10,000	10,000				
2	Lĩnh vực kinh tế								8.300,000	-	-	5.800,000	-	5.800,000	5.800,000	3.175,000	3.175,000	1.063,722	1.063,722				
(1)	Xây dựng môi trường sống xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng giai đoạn I	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	xã Kim Đồng		7962589		2023-2025	QĐ 2233-22/11/2021 và QĐ 3461 - 029/11/2021	7.500,000			5.000,000		5.000,000	5.000,000	2.500,000	2.500,000	960,000	960,000				
(2)	Xây dựng các hạng mục phụ trợ phân trường Mầm non Nà Danh	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	xã Lê Lai		8020477		2023-2024	QĐ 639/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	800,000			800,000		800,000	800,000	675,000	675,000	103,722	103,722				



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của Dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú		
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP			
									Trong đó										Tổng số		Trong đó:	
									NSTW	NS tỉnh	NS huyện										Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác	Thu hồi các khoản vốn ứng trước
3	Lĩnh vực giao thông								4.400,000		2.500,000	1.900,000	2.500,000	2.500,000	356,000	356,000	400,000	400,000				
(1)	Cầu và đường dẫn Nà Ngải xã Trọng Con, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	xã Trọng Con		8042334		2023-2025	QĐ 1312/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	4.400,000		2.500,000	1.900,000	2.500,000	2.500,000	356,000	356,000	400,000	400,000				
II	Đổi ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia								65.286,000	54.120,000	7.640,000	3.546,000	-	3.546,000	3.546,000	1.073,500	1.073,500	2.472,500	2.472,500	-	-	-
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								65.286,000	54.120,000	7.640,000	3.546,000	-	3.546,000	3.546,000	1.073,500	1.073,500	2.472,500	2.472,500	-	-	-
(1)	Dự án bố trí ổn định dân cư thiên tai thôn Nặm Dạng, Pò lằng xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	xã Quang Trọng		7916692		2021-2023	QĐ 1532/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	30.866,000	29.000,000		1.886,000		1.886,000	1.886,000	733,500	733,500	1.152,500	1.152,500			
(2)	Nâng đường liên xã Kim Đồng-Canh Tân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	xã Kim Đồng, Canh Tân		7975338		2022-2024	2580/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	12.800,000	10.560,000	1.600,000	640,000		640,000	640,000	340,000	340,000	300,000	300,000			
(3)	Trạm Y tế xã Lê Lợi, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	Xã Lê Lợi		8007240	237	2022-2024	2914/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	6.720,000	4.000,000	2.040,000	680,000		680,000	680,000			680,000	680,000			
(4)	Đường GT Nặm Dạng (Quang Trọng) huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng - Vũ Loan (Na Rì) tỉnh Bắc Kạn	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	xã Quang Trọng		7990394		2022-2024	1532/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	14.900,000	10.560,000	4.000,000	340,000		340,000	340,000			340,000	340,000			
A1.2.2	Các dự án khởi công mới năm 2024								5.198,000	-	-	4.198,000	-	4.198,000	4.198,000	50,000	50,000	3.399,778	3.399,778	-	-	-
I	Phân bổ các ngành, lĩnh vực								5.198,000	-	-	4.198,000	-	4.198,000	4.198,000	50,000	50,000	3.399,778	3.399,778	-	-	-
1	Lĩnh vực: Quốc phòng								2.500,000	-	-	2.500,000	-	2.500,000	2.500,000			2.500,000	2.500,000	-	-	-
(1)	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng năm 2024	Ban chỉ huy quân sự huyện	xã Trọng Con				2024		2.500,000			2.500,000		2.500,000	2.500,000			2.500,000	2.500,000			
2	Lĩnh vực khác								2.000,000	-	-	1.000,000	-	1.000,000	1.000,000	50,000	50,000	201,778	201,778	-	-	-
(1)	Khu trung tâm cây xanh thể dục thể thao	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	TT Đồng Khê				2024-2026	3188/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	2.000,000			1.000,000		1.000,000	1.000,000	50,000	50,000	201,778	201,778			
3	Phân bổ vốn dự phòng 5%								698,000	-	-	698,000	-	698,000	698,000	-	-	698,000	698,000	-	-	-
(1)	Xây dựng Kí ốt chợ trung tâm huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện	TT Đồng Khê				2024	3086/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	698,000			698,000		698,000	698,000			698,000	698,000			
A1.2.3	Các dự án chuẩn bị đầu tư								17.532,000	-	-	6.032,000	-	2.225,138	2.225,138	-	-	1.054,000	1.054,000	-	-	-
I	Phân bổ các ngành, lĩnh vực								17.532,000	-	-	6.032,000	-	2.225,138	2.225,138	-	-	1.054,000	1.054,000	-	-	-
1	Lĩnh vực khác								4.882,000	-	-	4.882,000	-	1.075,138	1.075,138	-	-	54,000	54,000	-	-	-
(1)	Nhà bia+ Nhà văn hóa TT Đồng Khê	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	TT Đồng Khê				2025-2027		4.882,000			4.882,000		1.075,138	1.075,138			54,000	54,000			
2	Phân bổ vốn dự phòng 5%								12.650,000	-	-	1.150,000	-	1.150,000	1.150,000	-	-	1.000,000	1.000,000	-	-	-

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của Dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú	
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP			
									Trong đó										Tổng số	Trong đó:		
									NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác	Thu hồi các khoản vốn ứng trước							Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
(1)	Cấp nước sinh hoạt khu vực thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	TT Đông Khê				2023-2025		12.650,000			1.150,000		1.150,000			1.000,000	1.000,000			Vốn NSDP được minh đối ứng	
A.2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất								52.249,940	-	30.397,000	-	-	52.249,940	30.397,000	25.180,000	25.040,000	5.357,000	5.357,000	-	-	-
A2.1	Tính bổ trí								52.249,940	-	30.397,000	-	-	52.249,940	30.397,000	25.180,000	25.040,000	5.357,000	5.357,000	-	-	-
*	Thực hiện các dự án đầu tư								52.249,940	-	30.397,000	-	-	52.249,940	30.397,000	25.180,000	25.040,000	5.357,000	5.357,000	-	-	-
I	Quy hoạch								2.249,940	-	1.390,000	-	-	2.249,940	1.390,000	180,000	40,000	1.350,000	1.350,000	-	-	-
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024								2.249,940	-	1.390,000	-	-	2.249,940	1.390,000	180,000	40,000	1.350,000	1.350,000	-	-	-
	Dự án nhóm C																					
(1)	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thạch An	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Thạch An	Thạch An	8041547	332	2023-2024	905/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	2.249,940		1.390,000			2.249,940	1.390,000	180,000	40,000	1.350,000	1.350,000			
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật								50.000,000	-	29.007,000	-	-	50.000,000	29.007,000	25.000,000	25.000,000	4.007,000	4.007,000	-	-	-
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024								50.000,000	-	29.007,000	-	-	50.000,000	29.007,000	25.000,000	25.000,000	4.007,000	4.007,000	-	-	-
	Dự án nhóm C																					
(1)	Xây dựng khu tái định cư, phát triển quỹ đất thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện	Thạch An	Thạch An	7984471	285	2022-2024	2235/QĐ-UBND ngày 22/11/2021; 1490/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	50.000,000		29.007,000			50.000,000	29.007,000	25.000,000	25.000,000	4.007,000	4.007,000			



